

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :307

Sang : Bún riêu thốt tom kho cá chua trồng
gia nấu hu ngo gai huyết
Sữa grow
Trở lại : Cơm cá diêu hồng kho thơm. Canh
súp khoai tây cá rô t củ đen sù sù thốt heo nạc
tom kho ngo rí
Món xào: bắp cải, cá rô t
Xe: bánh flan
Xe chiều: Cháo thốt ech mỗp hồng nam cá
rô t

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36954				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHÔ			
1	Tom kho	400	78,100	312,400
2	Ram (muối)	1,000	1,060	10,600
3	Cá diêu	9,500	22,680	2,154,600
4	Nước mắm Cá (loại 1)	3,000	6,160	184,800
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nhông cat	4,000	3,880	155,200
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ máy	23,000	2,630	604,900
9	Hành lá	1,500	5,460	81,900
10	Hành củ tồ	1,500	6,300	94,500
11	Cá rô t	6,000	5,780	346,800
12	Nam rôm	500	14,180	70,900
13	Rau ngo (Rau mùi)	100	8,930	8,930
14	Mỗp	2,000	4,200	84,000
15	Cá chua	3,000	7,880	236,400
16	Gia nấu xanh	2,000	2,730	54,600
17	Rau mùi tàu (ngo gai)	100	6,510	6,510
18	Sù sù	3,000	3,470	104,100
19	Củ đen (củ giền)	3,000	5,460	163,800
20	Khoai tây	3,000	3,990	119,700
21	Cải bắp	3,000	5,040	151,200
22	Bún	18,000	1,710	307,800
23	Nấu hủ chiên	3,000	3,300	99,000
24	Bánh flan	30,700	6,770	2,078,390
25	Thốt lớn nạc	7,500	18,480	1,386,000
26	Thốt ech	2,500	27,300	68,250
27	Tiệt luộc	1,500	4,180	62,700
28	Dừa ta	3,000	2,940	88,200
29	Trứng vịt	2,500	5,400	135,000
Cong				10,012,530
	*XUẤT KHO			
30	Sữa bột Abbot Grow	6,500	20,500	1,332,500
Cong				1,332,500
Tổng tiền thức phẩm				11,345,030 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏch chỉ trong ngày				11359000(đ)
Số đồ nấu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				13970(đ)
Xuất ăn luy kê tồ nấu thang				
Tiêu chuẩn luy kê tồ nấu thang				
Tiền chỉ luy kê tồ nấu thang				